| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TAM NÔNG**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 33/2019/HNGĐ-ST<br>Ngày: 03-10-2019<br>V/v ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Khang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Ông Huỳnh Trung Thảo.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 03/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019, về việc*"Ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST – HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Nguyễn Văn L, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*2. Bị đơn:* Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:**

*Về hôn nhân:* Anh L và chị C chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 13/7/2016. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng cũng rất hạnh phúc, tuy

nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 12/2017 đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim C.

*Về con chung*: Trong quá trình chung sống, anh L và chị C có 01 con chung là Nguyễn Hữu N sinh ngày 27/7/2018 (chưa có khai sinh). Con hiện đang sống với chị C. Khi ly hôn anh L đồng ý giao N cho chị C nuôi dưỡng, anh L đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Về tài sản chung:* Không có.

*Về nợ chung:* Không có.

**- Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:**

Chị và anh L sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A đúng như lời trình bày của anh L. Hiện nay nhận thấy còn tình cảm với anh L nên chị C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L. Trường hợp anh L cương quyết xin ly hôn thì chị có ý kiến như sau:

*Về con chung:* Chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu N, đồng thời yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu N từ khi mang thai đến thời điểm hiện nay là 400.000.000đ. Ngoài ra yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi con trưởng thành, cấp dưỡng một lần, mức cấp dưỡng là 3.000.000đ/tháng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị C chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con một lần từ thời điểm hiện nay tới khi con trưởng thành với số tiền là 50.000.000đ. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

*Về tài sản chung:* Không có.

*Về nợ chung:* Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc anh Nguyễn Văn L khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự và bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C thường trú tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Toà án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị C tìm hiểu quen biết nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 13/7/2016; do đó hôn nhân giữa anh L và chị C là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh L và chị C có thời gian chung sống hạnh phúc, có một đứa con chung. Tuy nhiên, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã nhau. Chị C bỏ về nhà cha mẹ ruột, gia đình và anh L có qua hàn gắn nhưng chị C vẫn không đồng ý về sống chung.

[3] Tại phiên Tòa hôm nay Hội đồng xét xử xét thấy anh L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với chị C. Anh L và chị C ly thân với nhau lần thứ nhất vào tháng 01/2017, sau đó vợ chồng về chung sống với nhau đến tháng 12/2017 lại tiếp tục ly thân với nhau lần thứ hai và đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau được. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa anh L và chị C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh L là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh L và chị C có 01 con chung là Nguyễn Hữu N sinh ngày 27/7/2018 (chưa có khai sinh). Con hiện đang sống với chị C. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và anh L cũng đồng ý. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không vi phạm pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay, chị C yêu cầu anh L cấp dưỡng một lần cho đến khi cháu N trưởng thành với số tiền là 50.000.000đ. Anh L chỉ đồng ý cấp dưỡng hàng tháng để nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Lý do vì anh L muốn có thời gian gần gũi chăm lo cho con. Hội đồng xét xử xét thấy, anh L hiện nay đang đi làm thuê, mức thu nhập không cao; điều kiện kinh tế của anh L hiện nay không thể cấp dưỡng một lần theo yêu cầu của chị C được. Vì vậy, buộc anh L phải cấp dưỡng hàng tháng, mức cấp dưỡng là ½ tháng lương cơ sở (lương cơ sở hiện nay là 1.490.000đ) để chị C nuôi con từ thời điểm hiện nay đến khi trưởng thành là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, anh L còn tự nguyện hỗ trợ cho chị C số tiền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N từ khi chị C mang thai đến nay là 300.000đ/tháng x 24 tháng = 7.200.000đ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh L, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim C.

2/ Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Hữu N sinh ngày 27/7/2018 cho chị Nguyễn Thị Kim C được tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh L được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu Nguyễn Hữu N, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

3/ Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho chị C nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu N, mức cấp dưỡng là ½ tháng lương cơ sở theo quy định pháp luật, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2019 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

4/ Công nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn L, buộc anh L có nghĩa vụ hỗ trợ cho chị C số tiền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N từ khi chị C mang thai đến nay là 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

5/ Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có.

6/ Về nợ chung: Đương sự trình bày không có.

7/ Về án phí:

Anh Nguyễn Văn L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 600.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai số BH/2018/0005527, quyển số 0000111, ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Anh Nguyễn Văn L phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

***Nơi nhận:***
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Duy Khang**